TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **178**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Dương Thị Lụa
*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Trịnh Hữu Hiệp
Ông Trịnh Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn H, sinh năm 1991. Căn cước công dân số: 096091000230, cấp ngày 01/4/2021 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã L, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Cẩm L, sinh năm 2000. Căn cước số: 096300000113, cấp ngày 09/7/2025 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trương Văn H trình bày:*

Ông và bà Bùi Cẩm L tự nguyện tìm hiểu và sống chung vào ngày 16/3/2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hôn nhân giữa ông và bà L không thể kéo dài. Ông và bà L không còn sống chung khoảng 04 năm nay. Ông yêu cầu Toà án không công nhận ông và bà Bùi Cẩm L là vợ chồng.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn bà Bùi Cẩm L trình bày:* Bà và ông Trương Văn H chung sống từ năm 2018 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến trong cuộc sống sinh hoạt nên bà và ông H không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay. Bà nhận thấy không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với ông H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 08-6-2026 ông Trương Văn H và bà Bùi Cẩm L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn H và bà Bùi Cẩm L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân giữa ông H và bà L là không hợp pháp.

Ông H yêu cầu được ly hôn với bà L do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Bà L cũng đồng ý ly hôn với ông H. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà L đã đến mức trầm trọng đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H. Tuy nhiên ông H và bà L không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng..."*. Do ông H và bà L không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định Toà án không công nhận ông H và bà L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Trương Văn H và bà Bùi Cẩm L xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Văn H và bà Bùi Cẩm L xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Trương Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trương Văn H và bà Bùi Cẩm L là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Ông Trương Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 08-6-2026 ông H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0007527 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng thi án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lụa